

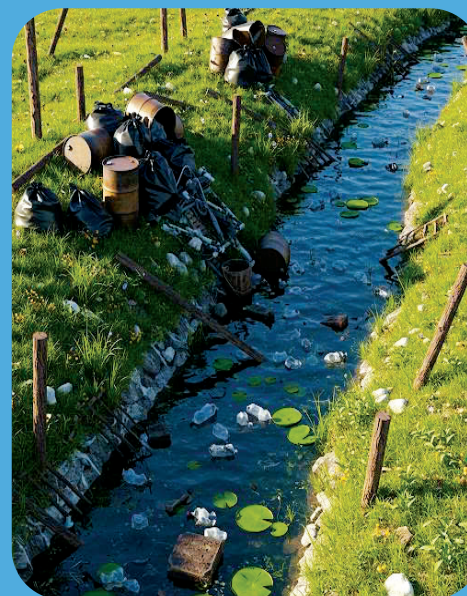


BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG
CỤC QUẢN LÝ VÀ XÂY DỰNG
CÔNG TRÌNH THỦY LỢI

SỔ TAY

HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN KIỂM KÊ, KIỂM SOÁT CÁC VI PHẠM PHẠM VI BẢO VỆ CÔNG TRÌNH THỦY LỢI VÀ XẢ NƯỚC THẢI VÀO CÔNG TRÌNH THỦY LỢI

PHỤC VỤ CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA
XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI



BẢO VỆ CÔNG TRÌNH THỦY LỢI

BẢO VỆ CUỘC SỐNG VÀ SINH KẾ CỦA CHÚNG TA



KHÔNG LẤN CHIẾM LÒNG KÊNH
KHÔNG XÂM HẠI CÔNG TRÌNH THỦY LỢI

CỤC QUẢN LÝ VÀ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH THỦY LỢI
(BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG)

Địa chỉ: Số 10 Tôn Thất Thuyết, Thành phố Hà Nội



ISBN: 978-604-76-3287-9



9 786047 632879

SÁCH KHÔNG BÁN



NHÀ XUẤT BẢN GIAO THÔNG VẬN TẢI

**BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG
CỤC QUẢN LÝ VÀ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH THỦY LỢI**

SỔ TAY

**HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN KIỂM KÊ,
KIỂM SOÁT CÁC VI PHẠM PHẠM VI BẢO
VỆ CÔNG TRÌNH THỦY LỢI VÀ XẢ NƯỚC
THẢI VÀO CÔNG TRÌNH THỦY LỢI**

**PHỤC VỤ CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA
XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI**



NHÀ XUẤT BẢN GIAO THÔNG VẬN TẢI

CƠ QUAN CHỈ ĐẠO:
CỤC QUẢN LÝ VÀ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH THỦY LỢI

CƠ QUAN BIÊN SOẠN:
VIỆN KHOA HỌC THỦY LỢI VIỆT NAM

BIÊN SOẠN:
ThS. Đinh Vũ Thuý (Chủ biên)
TS. Phạm Văn Ban
ThS. Đặng Minh Tuyến
ThS. Nguyễn Lê Dũng
ThS. Hà Thị Thu
KS. Nguyễn Quang Hưng
KS. Phạm Thị Hồng Nhung

LIÊN HỆ HỖ TRỢ KỸ THUẬT:
Cục Quản lý và Xây dựng Công trình thủy lợi
Số 10 Tôn Thất Thuyết, Thành phố Hà Nội
Trung tâm Tư vấn Quản lý thủy nông có sự tham gia
của người dân
Số 171 Tây Sơn, Thành phố Hà Nội

LỜI NÓI ĐẦU

Công trình thủy lợi (CTTL) đóng vai trò hết sức quan trọng trong việc cấp, tưới, tiêu và thoát nước phục vụ sản xuất nông nghiệp, sinh hoạt và các ngành kinh tế khác; góp phần phòng chống thiên tai, bảo vệ môi trường, bảo đảm an ninh nguồn nước và hoàn thành Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới. Tuy nhiên, thực tế hiện nay cho thấy tình trạng vi phạm phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi, lấn chiếm hành lang bảo vệ, xả nước thải vào công trình vẫn còn diễn biến phức tạp, có xu hướng gia tăng ở một số địa phương, ảnh hưởng trực tiếp đến an toàn công trình, chất lượng nguồn nước và hiệu quả khai thác, vận hành. Bên cạnh đó, công tác kiểm kê, theo dõi, thống kê và kiểm soát vi phạm chưa được thực hiện một cách đồng bộ, thống nhất; phương pháp, quy trình thực hiện còn khác nhau giữa các địa phương, dẫn đến khó khăn trong tổng hợp, đánh giá và tổ chức xử lý vi phạm theo quy định

Xuất phát từ yêu cầu hoàn thành tiêu chí thủy lợi của Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới về việc kiểm soát chặt chẽ các vi phạm, đồng thời căn cứ các quy định của pháp luật về thủy lợi, để hỗ trợ địa phương trong việc xác định, kiểm kê, kiểm soát các vi phạm phạm vi bảo vệ CTTL và xả nước thải vào công trình thủy lợi. Bộ Nông nghiệp và Môi trường đã giao Viện khoa học Thủy lợi Việt Nam thực hiện biên soạn cuốn sổ tay “Hướng dẫn thực hiện kiểm kê, kiểm soát các vi phạm phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi và xả nước thải vào công trình thủy lợi” theo Quyết định

số 884/QĐ-BNNMT ngày 17/4/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường về phê duyệt Kế hoạch triển khai và dự toán kinh phí thực hiện các nhiệm vụ thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới năm 2025. Nội dung sổ tay đã được các chuyên gia thẩm định, cơ quan biên soạn hoàn thiện và Cục Quản lý và Xây dựng Công trình thủy lợi ban hành tại Quyết định số 412/QĐ-TL-KTTL ngày 31 tháng 12 năm 2025.

Hy vọng Sổ tay này sẽ là tài liệu hướng dẫn thiết thực, hữu ích, góp phần nâng cao nhận thức, trách nhiệm của các cấp, các ngành và cộng đồng trong việc chấp hành pháp luật, bảo vệ và khai thác bền vững hệ thống công trình thủy lợi, đóng góp tích cực vào việc thực hiện thành công Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới.

CỤC QUẢN LÝ VÀ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH THỦY LỢI

MỤC LỤC

<i>Lời nói đầu</i>	3
<i>Các từ viết tắt</i>	8

Phần I: HƯỚNG DẪN CHUNG	9
1.1. Mục tiêu	9
1.2. Đối tượng và phạm vi áp dụng.....	9
1.3. Giải thích từ ngữ	9
1.4. Cơ sở pháp lý	11

Phần II: HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN KIỂM KÊ CÁC VI PHẠM PHẠM VI BẢO VỆ CÔNG TRÌNH THUỶ LỢI VÀ XẢ NƯỚC THẢI VÀO CÔNG TRÌNH THUỶ LỢI	14
2.1. Các hành vi vi phạm phạm vi bảo vệ CTTL và xả nước thải vào CTTL	14
2.1.1. Các hành vi vi phạm phạm vi bảo vệ CTTL.....	14
2.1.2. Các hành vi vi phạm xả nước thải vào CTTL.....	20
2.2. Hướng dẫn kiểm kê các hành vi vi phạm.	25

Phần III: HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN KIỂM SOÁT CÁC VI PHẠM PHẠM VI BẢO VỆ CÔNG TRÌNH THUỶ LỢI VÀ XẢ NƯỚC THẢI VÀO CÔNG TRÌNH THUỶ LỢI	28
3.1. Hướng dẫn kiểm soát các hành vi vi phạm	28
3.1.1. Tuyên truyền, phổ biến pháp luật về thủy lợi cho người dân và các tổ chức, cá nhân có liên quan.	28
3.1.2. Thực hiện cấm mốc chỉ giới phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi.	32

3.1.3. Tăng cường công tác tuần tra, kiểm tra, phát hiện và xử lý kịp thời các hành vi vi phạm.	34
3.2. Trách nhiệm phối hợp của các bên liên quan.	37
3.2.1. Cơ quan quản lý nhà nước về thủy lợi.....	37
3.2.2. Đơn vị quản lý, khai thác công trình thủy lợi.....	38
3.2.3. Chính quyền các cấp (UBND cấp tỉnh, cấp xã).....	39
3.2.4. Người sử dụng nước, cộng đồng dân cư.....	39

Phần IV: HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN XỬ LÝ VI PHẠM

PHẠM VI BẢO VỆ CTTL VÀ XẢ NƯỚC THẢI VÀO CTTL..... 41

4.1. Một số lưu ý khi xử phạt vi phạm	41
4.2. Quy trình xử lý vi phạm	42
4.3. Tổ chức thực hiện xử lý vi phạm	43
4.3.1. Bước 1: Phát hiện hành vi vi phạm	43
4.3.2. Bước 2: Xác minh, thu thập thông tin, chứng cứ ..	43
4.3.3. Bước 3: Lập biên bản vi phạm	44
4.3.4. Bước 4: Ban hành quyết định xử lý vi phạm.....	46
4.3.5. Bước 5: Thi hành quyết định xử lý vi phạm.....	46
4.4. Trách nhiệm của các bên liên quan	47
4.4.1. Đơn vị quản lý, khai thác công trình thủy lợi.....	47
4.4.2. Chính quyền các cấp (UBND cấp tỉnh, cấp xã).....	48
4.4.3. Sở Nông nghiệp và Môi trường.....	48

Phụ lục I: Biểu mẫu thống kê các vi phạm phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi và xả nước thải vào công trình thủy lợi	50
Phụ lục II: Biểu mẫu phục vụ tuần tra, kiểm tra vi phạm phạm vi bảo vệ CTTL.....	53
TÀI LIỆU THAM KHẢO	59

CÁC TỪ VIẾT TẮT

NTM	Nông thôn mới
CTTL	Công trình thủy lợi
UBND	Ủy ban nhân dân
NN&MT	Nông nghiệp và Môi trường

Phần I

HƯỚNG DẪN CHUNG

1.1. Mục tiêu

Hỗ trợ các địa phương chủ động trong việc thống kê, phát hiện, ngăn ngừa và xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực thủy lợi, phục vụ nâng cao chất lượng hệ thống thủy lợi góp phần hoàn thành Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới.

1.2. Đối tượng và phạm vi áp dụng

Đối tượng sử dụng Sổ tay: Cơ quan quản lý nhà nước về thủy lợi (Sở NN&MT, UBND các cấp ...) và các tổ chức, cá nhân thực hiện nhiệm vụ quản lý khai thác công trình thủy lợi.

Phạm vi áp dụng: Toàn quốc.

1.3. Giải thích từ ngữ

Phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi bao gồm công trình và vùng phụ cận. Trong phạm vi bảo vệ công trình, các hoạt động phải bảo đảm không gây cản trở cho việc vận hành và an toàn công trình; phải có đường quản lý, mặt bằng để bảo trì và xử lý khi công trình xảy ra sự cố.

Công trình thủy lợi (CTTL) là công trình hạ tầng kỹ thuật thủy lợi bao gồm đập, hồ chứa nước, cống, trạm bơm, hệ thống dẫn, chuyển nước, kè, bờ bao thủy lợi và công trình khác phục vụ quản lý, khai thác thủy lợi.

Vùng phụ cận công trình thủy lợi là vùng không gian theo phương ngang và phương thẳng đứng bao quanh công trình thủy lợi, phục vụ cho công tác quản lý khai thác công trình nhằm bảo đảm an toàn công trình, thuận lợi cho việc khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi. Vùng phụ cận còn được gọi là hành lang bảo vệ công trình. Cụ thể:

- Vùng phụ cận của đập có phạm vi được tính từ chân đập trở ra. Đối với đập cấp đặc biệt: tối thiểu là 300 m; đập cấp I: tối thiểu là 200 m; đập cấp II: tối thiểu là 100 m; đập cấp III: tối thiểu là 50 m; đập cấp IV: tối thiểu là 20 m;
- Vùng phụ cận của lòng hồ chứa nước có phạm vi được tính từ đường biên có cao trình bằng cao trình đỉnh đập trở xuống phía lòng hồ.
- Kênh có lưu lượng từ $02 \text{ m}^3/\text{s}$ đến $10 \text{ m}^3/\text{s}$, phạm vi bảo vệ được tính từ chân mái ngoài trở ra từ 02 m đến 03 m đối với kênh đất, từ 01 m đến 02 m đối với kênh kiên cố.
- Kênh có lưu lượng lớn hơn $10 \text{ m}^3/\text{s}$, phạm vi bảo vệ được tính từ chân mái ngoài trở ra từ 03 m đến 05 m đối với kênh đất, từ 02 m đến 03 m đối với kênh kiên cố.
- Vùng phụ cận của cống trên sông được tính từ phần xây đúc cuối cùng trở ra mỗi phía 50 m.
- Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định cụ thể phạm vi vùng phụ cận đối với công trình thủy lợi khác trên địa bàn.

Kiểm kê các vi phạm phạm vi bảo vệ CTTL được hiểu là hoạt động rà soát, thống kê, xác định và lập danh mục các trường hợp vi phạm trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi (như lấn chiếm đất, xây dựng trái phép, đổ rác thải, trồng cây, chăn thả gia súc, đặt vật cản...) làm ảnh hưởng đến an toàn, vận hành hoặc khả năng tiêu, thoát, cấp nước của công trình.

Kiểm soát các vi phạm phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi được hiểu là quá trình theo dõi, phát hiện, ngăn chặn, xử lý và phòng ngừa các hành vi vi phạm xảy ra trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi, nhằm đảm bảo công trình được an toàn, vận hành ổn định, sử dụng đúng mục đích và bền vững.

Xả nước thải vào công trình thủy lợi là việc cá nhân, tổ chức đưa nước thải vào lòng dẫn, khu chứa nước hoặc phần công trình thuộc hệ thống công trình thủy lợi (như kênh, mương, hồ chứa, đập, trạm bơm, cống,...).

1.4. Cơ sở pháp lý

- Luật Thủy lợi số 08/2017/QH14 ngày 19/6/2017.
- Luật Xử lý vi phạm hành chính số 15/2012/QH13 ngày 20/6/2012.
- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xử lý vi phạm hành chính ngày 13/11/2020.
- Luật số 88/2025/QH15 ngày 25/6/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật xử lý vi phạm hành chính.
- Nghị định số 67/2018/NĐ-CP ngày 14/5/2018 Quy định chi tiết một số điều của Luật Thủy lợi.

- Nghị định số 40/2023/NĐ-CP ngày 27/6/2023 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 67/2018/NĐ-CP.
- Nghị định số 03/2022/NĐ-CP ngày 06/01/2022 Quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực phòng, chống thiên tai; thủy lợi; đê điều.
- Nghị định số 290/2025/NĐ-CP ngày 06/11/2025 Quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tài nguyên nước.
- Nghị định số 118/2021/NĐ-CP ngày 23/12/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xử lý vi phạm hành chính.
- Nghị định số 68/2025/NĐ-CP ngày 18/3/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 118/2021/NĐ-CP.
- Nghị định số 190/2025/NĐ-CP ngày 01/7/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 118/2021/NĐ-CP, Nghị định số 68/2025/NĐ-CP và Nghị định số 120/2021/NĐ-CP.
- Nghị định số 45/2022/NĐ-CP ngày 07/7/2022 Quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường.
- Nghị định số 189/2025/NĐ-CP ngày 01/7/2025 Quy định chi tiết Luật Xử lý vi phạm hành chính về thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính.

- Các văn bản, quy định địa phương liên quan đến bảo vệ công trình thủy lợi, tài nguyên nước và môi trường.
- Các văn bản, quy định địa phương liên quan đến bảo vệ công trình thủy lợi, tài nguyên nước và môi trường.

Phần II

HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN KIỂM KÊ CÁC VI PHẠM PHẠM VI BẢO VỆ CÔNG TRÌNH THỦY LỢI VÀ XẢ NƯỚC THẢI VÀO CÔNG TRÌNH THỦY LỢI

2.1. Các hành vi vi phạm phạm vi bảo vệ CTTL và xả nước thải vào CTTL

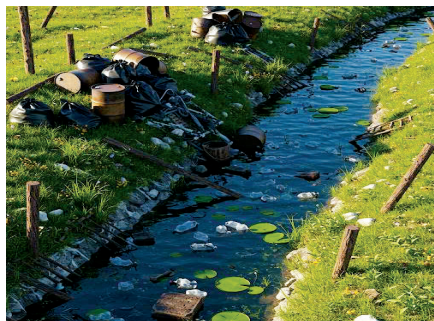
2.1.1. Các hành vi vi phạm phạm vi bảo vệ CTTL

a) *Vi phạm gây cản trở dòng chảy của công trình thủy lợi.*
Cụ thể các hành vi sau:

- Trồng rau, cắm đống đó, chất chà và các hình thức đánh bắt khác gây cản trở dòng chảy.
- Ngâm tre, luồng, nứa, lá, gỗ hoặc tạo các vật cản khác gây cản trở dòng chảy.

b) *Vi phạm quy định về đổ rác thải, chất thải trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi.*

Là hành vi đổ rác thải, chất thải trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi (bao gồm đổ trực tiếp vào lòng kênh,



mương, hồ chứa, đập, cống, trạm bơm và hành lang bảo vệ của các công trình này).

c) Vi phạm quy định về vận hành công trình thủy lợi:

Là những hành vi:

- Thực hiện không đúng quy định trong quy trình vận hành công trình thủy lợi đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.
- Không có nhiệm vụ mà tự ý vận hành CTTL.
- Không có quy trình vận hành CTTL theo quy định.

d) Vi phạm quy định về sử dụng máy móc, thiết bị thuộc công trình thủy lợi. Cụ thể các hành vi như:

- Tự ý vận hành máy móc, thiết bị (máy bơm, cửa van, trạm bơm, cống điều tiết...) mà không có thẩm quyền.
- Can thiệp, sửa chữa, tháo dỡ, lắp đặt máy móc, thiết bị của công trình khi chưa được cơ quan quản lý cho phép.
- Sử dụng thiết bị CTTL cho mục đích khác ngoài nhiệm vụ thiết kế (ví dụ: lấy điện, lấy nước trái phép, hoặc dùng cho hoạt động sản xuất không liên quan).
- Vận hành máy móc, thiết bị sai quy trình kỹ thuật, gây sự cố hoặc nguy cơ sự cố công trình.
- Phá hoại, chiếm dụng máy móc, thiết bị hoặc thiết bị điều khiển của CTTL.

e) Vi phạm quy định về bảo vệ an toàn công trình thủy lợi:

Là những hành vi làm ảnh hưởng đến sự ổn định, bền vững và khả năng vận hành an toàn của công trình thủy lợi, trái với quy định của pháp luật về bảo vệ công trình. Cụ thể:



- Làm lều, quán, tường; xây dựng các công trình tạm trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi.
- Đào, cuốc, xới, đánh văng cỏ, gieo trồng các loại cây hoa màu trên bờ, mái kênh, mái đập đất.
- Xây dựng lò gạch, lò vôi, công trình phụ, chuồng trại để chăn nuôi gia súc, gia cầm không có giấy phép hoạt động trong phạm vi bảo vệ CTTL.
- Nuôi trồng thủy sản không có giấy phép hoạt động trong phạm vi bảo vệ CTTL.
- Phá dỡ, xê dịch mốc chỉ giới, biển báo của CTTL hoặc tự ý đầu nối kênh, đường ống dẫn nước.
- Hoạt động nghiên cứu khoa học, trồng cây lâu năm không có giấy phép hoạt động trong phạm vi bảo vệ CTTL.

- Đào đắp ao, hồ trong phạm vi bảo vệ CTTL.
- Neo, đậu tàu, thuyền vào CTTL khi có biển cấm.
- Sử dụng phương tiện thủy nội địa, phương tiện cơ giới trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi không có giấy phép hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi, trừ xe mô tô, xe gắn máy, phương tiện thủy nội địa thô sơ.
- Không gửi báo cáo hiện trạng an toàn đập, hồ chứa thủy lợi theo nội dung và thời gian quy định.
- Không thực hiện kiểm tra đập, hồ chứa thủy lợi theo nội dung và chế độ quy định.
- Không có hoặc không tổ chức thực hiện phương án ứng phó thiên tai cho CTTL, vùng hạ du đập trong quá trình thi công.
- Không thực hiện kiểm định an toàn đập, hồ chứa thủy lợi theo quy định.
- Không thực hiện cấm mốc chỉ giới phạm vi bảo vệ đập, hồ chứa thủy lợi.
- Không có hoặc không thực hiện phương án bảo vệ đã được phê duyệt.
- Không có hoặc không rà soát, điều chỉnh, bổ sung hằng năm hoặc không thực hiện phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp đã được phê duyệt.

- Xây dựng, coi nói, lấn chiếm làm tăng diện tích CTTL.
- Thay đổi kết cấu công trình hiện có trong phạm vi bảo vệ CTTL.
- Xây dựng công trình ngầm không có giấy phép hoạt động trong phạm vi bảo vệ CTTL mà chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự.
- Khoan, đào khảo sát địa chất; khoan, đào thăm dò, thi công công trình, khai thác nước dưới đất không có giấy phép hoạt động trong phạm vi bảo vệ CTTL mà chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự.
- Tổ chức các hoạt động du lịch, thể thao không có giấy phép hoạt động trong phạm vi bảo vệ CTTL.
- Khai thác nước trái phép từ CTTL.
- Khai thác khoáng sản trong phạm vi bảo vệ CTTL nhưng không có giấy phép hoạt động trong phạm vi bảo vệ CTTL.
- Tự ý dỡ bỏ hoặc lấp CTTL.
- Xây dựng nhà ở, cầu, kè, nơi sản xuất và các công trình kiên cố khác không có giấy phép hoạt động trong phạm vi bảo vệ CTTL mà chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự.
- Ngăn, lấp, đào, nạo vét, hút bùn, cát, sỏi trên sông, kênh, mương, rạch, hồ, ao trái phép mà chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự.

- Lập bến bãi, tập kết nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, vật tư, phương tiện trái phép trong phạm vi bảo vệ CTTL.
- Nổ mìn và các hoạt động gây nổ khác không có giấy phép hoạt động trong phạm vi bảo vệ CTTL mà chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự.

g) Vi phạm quy định về sử dụng phương tiện giao thông đi trên công trình thủy lợi.

Cụ thể các hành vi:

- Điều khiển xe cơ giới vượt tải trọng cho phép đi trên CTTL.
- Sử dụng xe cơ giới, phương tiện thủy nội địa lưu thông trong CTTL khi có biển cấm, trừ các loại xe, phương tiện ưu tiên theo quy định của pháp luật về giao thông đường bộ, đường thủy nội địa.

h) Vi phạm quy định của giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi.

Cụ thể các hành vi:

- Trồng cây lâu năm.
- Nuôi trồng thủy sản.
- Nghiên cứu khoa học.
- Hoạt động của phương tiện thủy nội địa, phương tiện cơ giới.



- Lập bến, bãi tập kết nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, vật tư, phương tiện.
- Khoan, đào khảo sát địa chất; thăm dò, khai thác khoáng sản, vật liệu xây dựng, khai thác nước dưới đất.
- Xây dựng công trình ngầm.
- Hoạt động du lịch, thể thao, kinh doanh, dịch vụ.
- Xây dựng công trình mới trong phạm vi bảo vệ CTTL.
- Nổ mìn và các hoạt động gây nổ khác trong phạm vi bảo vệ CTTL.

2.1.2. Các hành vi vi phạm xả nước thải vào CTTL

a) Vi phạm quy định về xả nước thải khi không có giấy phép theo quy định của pháp luật.

Cụ thể các hành vi:

- Xả nước thải nuôi trồng thủy sản.
- Xả nước thải có chứa hóa chất độc hại, chất phóng xạ.

- Xả nước thải thuộc trường hợp phải có giấy phép xả nước thải vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung mà hệ thống đó chưa có giấy phép hoặc giấy phép hết hạn.



b)Vi phạm quy định của giấy phép xả nước thải

Cụ thể các hành vi:

- Không thực hiện chế độ báo cáo về hoạt động xả nước thải vào nguồn nước cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.
- Không báo cáo kịp thời về cơ quan cấp phép và cơ quan chức năng ở địa phương trong trường hợp có sự cố ô nhiễm nguồn nước do hành vi xả nước thải gây ra.
- Báo cáo không trung thực, đầy đủ về hoạt động xả nước thải vào nguồn nước cho cơ quan có thẩm quyền theo quy định.

- Xả nước thải vào nguồn nước không đúng vị trí, tọa độ quy định trong giấy phép.
- Xả nước thải vào nguồn nước không đúng chế độ, phương thức quy định trong giấy phép.
- Thu gom nước thải không đúng thiết kế theo quy định của giấy phép.
- Vận hành hệ thống xử lý nước thải không đúng quy trình vận hành theo quy định của giấy phép.
- Không chuẩn bị nhân lực, trang bị các phương tiện, thiết bị cần thiết để ứng phó, khắc phục sự cố gây ô nhiễm nguồn nước.
- Tự ý cho tổ chức, cá nhân khác xả nước thải vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải do mình đầu tư, quản lý, vận hành không đúng quy định của giấy phép.
- Xả nước thải vào nguồn nước vượt quá lưu lượng quy định trong giấy phép.
- Xả nước thải vào nguồn nước có hàm lượng chất ô nhiễm vượt quá giới hạn quy định trong giấy phép.

c) Cách nhận biết khi có dấu hiệu vi phạm xả nước thải vào công trình thủy lợi.

Nhận biết qua màu nước:

- Đen, nâu đen: thường do nước thải sinh hoạt, nước thải công nghiệp chứa hữu cơ cao, bùn thải, cặn đáy xả ra.

- Vàng đậm, nâu vàng: có thể do nước rửa quặng, chế biến nông sản, hoặc hàm lượng sắt - mangan cao do thải từ hệ thống xử lý kém.
- Xanh rêu - xanh lá đậm: do xả nước thải giàu N, P.
- Trắng đục - sữa: nước thải từ giặt tẩy, chế biến sữa, cơ sở sản xuất giấy, tinh bột, hoặc rò rỉ hóa chất.
- Đỏ - cam gạch: nước thải có chứa kim loại nặng, oxit sắt hoặc chất phụ gia công nghiệp.
- Vệt dầu loang ánh cầu vồng: dầu, nhớt máy, xăng thải.
- Bột trắng nổi lâu tan: có hoạt chất tẩy rửa, chất hoạt động bề mặt từ nhà hàng, cơ sở giặt là, sản xuất hóa mỹ phẩm.

Nhận biết qua mùi:

- Mùi hăng, nồng, khó chịu giống mùi trứng thối (H_2S): nước thải hữu cơ, chế biến thực phẩm, chăn nuôi.
- Mùi hôi cống rãnh: nước thải sinh hoạt chưa xử lý.
- Mùi khai, tanh, nồng, hăng, cay mắt: từ nước thải chăn nuôi, lò giết mổ, nhà máy chế biến thủy sản.
- Mùi hóa chất: mùi Clo, thuốc tẩy do cơ sở giặt là, chế biến thủy sản. Mùi dung môi, sơn do khu công nghiệp, xưởng cơ khí, xi mạ. Mùi phốt pho, lưu huỳnh do xưởng phân bón, vật liệu nổ.

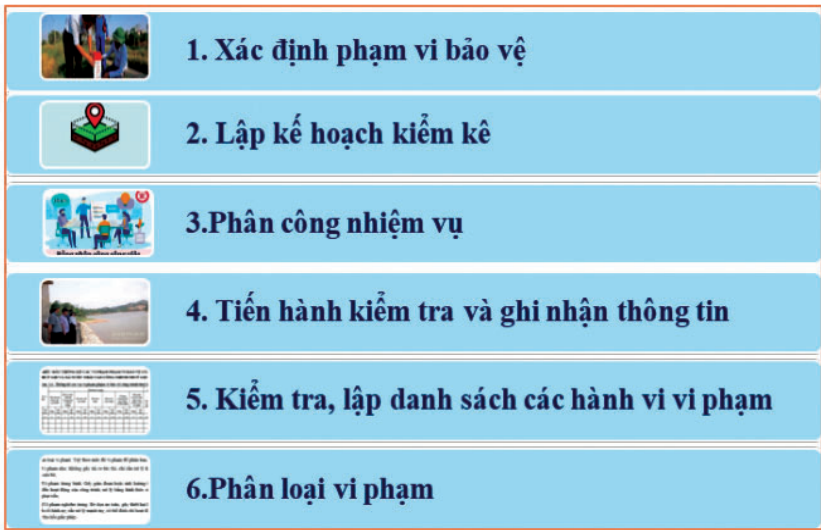
- Mùi tanh nồng, hơi chua kim loại: Liên quan đến nước thải chứa kim loại nặng (Fe, Mn, Cr...) do khai khoáng, luyện kim, cơ khí gây ra.
- Mùi bùn thối hôi, nồng, khó chịu: do cơ sở chế biến nông sản, tinh bột, thực phẩm.
- Mùi hắc, hăng do thuốc bảo vệ thực vật gây ra.
- Mùi ẩm mốc, mục gỗ, lên men do bãi tập kết rác, phế phẩm nông sản, xương gỗ, rơm rạ gây ra.

Nhận biết qua hiện tượng sinh học:

- Cá chết, thủy sinh chết hàng loạt do xả nước thải hữu cơ cao, dư lượng hóa chất độc (thuốc trừ sâu, chất tẩy rửa, kiềm/axit), kim loại nặng vượt ngưỡng.
- Ít cá, cua, ốc hơn so với bình thường.

Ngoài ra, để bảo đảm phát hiện chính xác việc ô nhiễm do xả nước thải vào CTTL thì cần phải thực hiện lấy mẫu nước và tiến hành xét nghiệm các chỉ tiêu theo các Quy chuẩn Việt Nam như: QCVN 08:2023/BTNMT, QCVN 40:2025/BTNMT, QCVN 62:2025/BTNMT, QCVN 14:2025/BTNMT...

1.2. Hướng dẫn kiểm kê các hành vi vi phạm



Hình 2.1: Quy trình thực hiện kiểm kê các hành vi vi phạm

Bước 1: Xác định phạm vi bảo vệ: Dựa trên các tiêu chí quy định trong pháp luật, xác định rõ ranh giới bảo vệ công trình. Chia khu vực thành các vùng theo mức độ nhạy cảm (ví dụ: vùng trực tiếp, vùng gián tiếp) nhằm ưu tiên giám sát.

Bước 2: Lập kế hoạch kiểm kê: Xác định thời gian và hình thức kiểm kê (Kiểm kê định kỳ theo kế hoạch đã được duyệt; Kiểm kê đột xuất khi có dấu hiệu bất thường).

Bước 3: Phân công nhiệm vụ: Xác định đội kiểm kê, phân công trách nhiệm cụ thể cho từng thành viên.

Bước 4: Tiến hành kiểm tra và ghi nhận thông tin:

- Thu thập hồ sơ hiện trạng công trình như quyết định đầu tư, bản vẽ hoàn công, phạm vi bảo vệ, hành lang công trình, bản đồ mốc chỉ giới, số liệu địa chính, bản đồ địa hình...
- Chuẩn bị phiếu kiểm kê, thiết bị hỗ trợ (GPS, thước đo khoảng cách, máy ảnh/điện thoại).
- Xác định khu vực kiểm kê: Xác định ranh giới phạm vi bảo vệ, khoanh vùng tuyến/đoạn kiểm kê.
- Khảo sát trực tiếp ngoài thực địa: Thực hiện rà soát thực địa theo tuyến, vị trí mốc giới (nếu đã cắm), các hành vi chiếm dụng, xây dựng, đào đắp, tập kết vật liệu, xả thải... Đo đạc bằng thiết bị chuyên dụng như máy GPS, thước, mẫu nước (nếu cần thiết) và ghi nhận các bằng chứng liên quan bằng hình ảnh, video, mô tả chi tiết (ghi rõ thời gian, địa điểm, loại hình vi phạm và mức độ ảnh hưởng).
- Đối chiếu hiện trạng với phạm vi pháp lý: So sánh kết quả đo đạc với bản đồ phạm vi bảo vệ CTTL, quy định Luật Thủy lợi và các quy định xử phạt, QCVN có liên quan. Đánh giá mức độ vi phạm, vi phạm mới hay tồn tại kéo dài.

Bước 5: Kiểm tra, lập danh sách các hành vi vi phạm:

Mỗi trường hợp vi phạm cần ghi rõ vị trí (tuyến, kilômét hoặc mốc), tọa độ GPS, loại hành vi vi phạm, diện tích/chiều

dài lần chiếm, chủ thể vi phạm (cá nhân/đơn vị), hình ảnh kèm theo, kiến nghị xử lý ban đầu.

Bước 6: Tổng hợp và phân loại vi phạm: Lập bảng danh mục tổng hợp (file Excel/Word/GIS/tài liệu giấy...); Phân loại vi phạm theo loại hình, mức độ ảnh hưởng, mức độ phổ biến...; Xác định điểm nóng cần xử lý. Phân loại vi phạm: Tùy theo mức độ vi phạm để phân loại:

i) Vi phạm nhẹ: Không gây rủi ro tức thì, chỉ cần xử lý khắc phục nội bộ.

ii) Vi phạm trung bình: Gây gián đoạn hoặc ảnh hưởng tạm thời đến hoạt động của công trình; xử lý bằng hình thức cảnh cáo, phạt tiền.

iii) Vi phạm nghiêm trọng: Đe dọa an toàn, gây thiệt hại lớn, có yếu tố hình sự; cần xử lý mạnh tay, có thể đình chỉ hoạt động hoặc thu hồi giấy phép.

Báo cáo kết quả kiểm kê: Báo cáo gồm mô tả khu vực kiểm kê, bản đồ hiện trạng vi phạm, số lượng - loại hình - mức độ vi phạm, ảnh minh họa, danh sách kèm mã vi phạm, đề xuất phương án xử lý... (*Biểu mẫu thống kê các vi phạm phạm vi bảo vệ CTTL và xả nước thải vào công trình thủy lợi tại Phụ lục 1*).

Phần III

HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN KIỂM SOÁT CÁC VI PHẠM PHẠM VI BẢO VỆ CÔNG TRÌNH THỦY LỢI VÀ XẢ NƯỚC THẢI VÀO CÔNG TRÌNH THỦY LỢI

3.1. Hướng dẫn kiểm soát các hành vi vi phạm

3.1.1. Tuyên truyền, phổ biến pháp luật về thủy lợi cho người dân và các tổ chức, cá nhân có liên quan

a) Mục đích:

- Nâng cao nhận thức, trách nhiệm của người dân, tổ chức, cá nhân trong việc bảo vệ CTTL.
- Phòng ngừa, giảm thiểu và tiến tới chấm dứt các hành vi vi phạm phạm vi bảo vệ CTTL.
- Góp phần bảo đảm an toàn, phát huy hiệu quả khai thác CTTL phục vụ sản xuất và đời sống dân sinh.

b) Đối tượng tuyên truyền:

- Người dân sinh sống, sản xuất trong phạm vi hưởng lợi từ CTTL.
- Các tổ chức, doanh nghiệp có hoạt động sản xuất, kinh doanh, xây dựng, vận tải liên quan đến CTTL.

c) Nội dung tuyên truyền

- Các quy định pháp luật về lĩnh vực thủy lợi, môi trường đã được liệt kê tại mục 1.4.

- Quy định về phạm vi bảo vệ CTTL, hành vi bị nghiêm cấm, chế tài xử lý.
- Ý nghĩa và tầm quan trọng của việc bảo vệ công trình thủy lợi đối với phòng chống thiên tai, sản xuất nông nghiệp, cấp nước sinh hoạt và môi trường.
- Các hành vi vi phạm phổ biến cần tránh: lấn chiếm bờ kênh, lòng kênh, xây dựng công trình trái phép, xả thải gây ô nhiễm, sử dụng phương tiện giao thông trái phép trên CTTL...
- Trách nhiệm của cộng đồng, tổ chức và cá nhân trong giám sát, phát hiện, tố giác vi phạm.

d) Hình thức tuyên truyền

- Trực tiếp: Hội nghị thôn, bản; sinh hoạt chi bộ, tổ chức đoàn thể; tập huấn cho cán bộ và người dân.
- Truyền thông đại chúng: Báo, đài phát thanh, truyền hình, trang thông tin điện tử, mạng xã hội.



- Tài liệu trực quan: Áp phích, pano, tờ rơi, video minh họa tại khu vực dân cư, CTTL.
- Lồng ghép với các phong trào, chương trình như: xây dựng nông thôn mới, bảo vệ môi trường, phòng chống thiên tai.

e) Tổ chức thực hiện

- Cơ quan quản lý nhà nước về thủy lợi: Chủ trì xây dựng kế hoạch, phối hợp với các cơ quan liên quan.
- Chính quyền địa phương cấp xã: Tổ chức triển khai tại cơ sở, đưa nội dung vào quy ước, hương ước cộng đồng.
- Đơn vị quản lý, khai thác CTTL: Phối hợp cung cấp thông tin, trực tiếp tuyên truyền, gắn trách nhiệm với cộng đồng hưởng lợi.
- Đoàn thể, tổ chức xã hội: Huy động hội viên, đoàn viên tham gia giám sát, tuyên truyền.

f) Xây dựng áp phích, pano, tờ rơi... để tuyên truyền

Áp phích, pano, tờ rơi... vừa là công cụ tuyên truyền trực quan vừa là phương tiện nhắc nhở, nhắc nhở cộng đồng, giúp hạn chế và tiến tới chấm dứt các hành vi vi phạm phạm vi bảo vệ CTTL.

Một số lưu ý khi xây dựng như sau:

- Ngắn gọn - dễ nhớ - dễ thực hiện: tránh quá nhiều chữ.

- Hình ảnh minh họa trực quan, phù hợp với văn hóa, nhận thức của người dân bản địa.
- Bền, đẹp, đúng vị trí: pano/áp phích cần in bằng chất liệu chống nắng mưa, tờ rơi gọn nhẹ dễ cất giữ.
- Kết hợp nhiều hình thức: pano, áp phích để tạo ấn tượng; tờ rơi để truyền tải; khẩu hiệu để nhắc nhở thường xuyên.



Cụ thể như sau:

Áp phích, pano: Treo, đặt tại khu vực đông người qua lại: cổng làng, UBND xã, trạm bơm, đầu kênh, cầu cống, chợ, trường học. Thể hiện hình ảnh minh họa dễ hiểu, kết hợp khẩu hiệu ngắn gọn, rõ ràng như: “Không lấn chiếm hành lang bảo vệ công trình thủy lợi!”; “Bảo vệ công trình thủy lợi là bảo vệ nguồn sống của chúng ta!”... Kích thước đủ lớn, màu sắc nổi bật để gây chú ý.

Tờ rơi, tờ gấp: Phát tại các cuộc họp thôn, xã, hội nghị nông dân, hợp tác xã... Nội dung có thể gồm: i) Quy

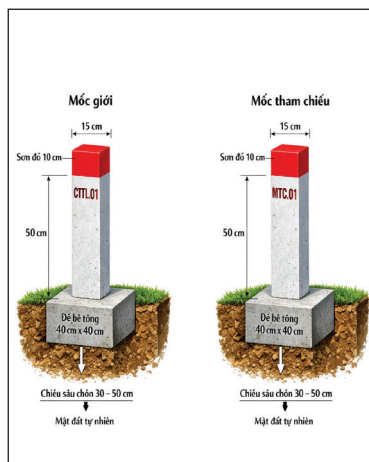
định pháp luật chính về phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi; ii) Các hành vi bị nghiêm cấm; iii) Mức xử phạt vi phạm; iv) Khuyến nghị người dân cách bảo vệ công trình. Nên có hình ảnh minh họa, sơ đồ phạm vi bảo vệ cụ thể cho từng loại công trình.

Bảng tin, khẩu hiệu cố định: Gắn biển cảnh báo, bảng quy định ngay tại công trình dễ vi phạm (bờ kênh, đập, hồ chứa). Sử dụng khẩu hiệu dễ nhớ, ngắn gọn, ví dụ: “Không vứt rác, xả thải xuống kênh mương, hồ đập!”; “Mọi hành vi vi phạm công trình thủy lợi sẽ bị xử lý nghiêm!”...

3.1.2. Thực hiện cắm mốc chỉ giới phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi

a) Mục tiêu

- Xác định, làm rõ ranh giới phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi để dễ quản lý, giám sát và xử lý vi phạm.
- Ngăn chặn lấn chiếm, sử dụng đất trái phép trong phạm vi bảo vệ công trình.
- Làm căn cứ để chính quyền, đơn vị quản lý công trình và người dân cùng thực hiện, giám sát.



b) Yêu cầu về cấm cốc chỉ giới

- Việc cấm mốc chỉ giới phải căn cứ vào phạm vi bảo vệ, hiện trạng công trình và yêu cầu quản lý.
- Trường hợp không thể cấm mốc chỉ giới theo quy định thì dùng mốc tham chiếu để thay thế.
- Trường hợp mốc chỉ giới cần cấm trùng với mốc hành lang bảo vệ nguồn nước hoặc mốc của công trình khác đã được cấm trước đó thì coi mốc hành lang bảo vệ nguồn nước hoặc mốc của công trình khác là mốc tham chiếu.
- Các trường hợp phải cấm mốc thực hiện theo Điều 19 của Thông tư số 05/2018/TT-BNNPTNT ngày 15/5/2018.

c) Nội dung thực hiện

Nội dung thực hiện theo khoản 9, 10, 11, 12, 13 của Thông tư số 03/2022/TT-BNNPTNT ngày 16/6/2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT về Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 05/2018/TT-BNNPTNT ngày 15/5/2018 và những nội dung không sửa đổi tại Điều 20, 21, 22, 23, 24 của Thông tư số 05/2018/TT-BNNPTNT ngày 15/5/2018.

d) Nguyên tắc thực hiện

- Minh bạch, công khai, lấy ý kiến và thông báo cho chủ sử dụng đất, cộng đồng trước khi cấm mốc.

- Căn cứ vào bản đồ, biên bản/quyết định hành chính (nếu có), kết quả đo đạc chính xác để cắm mốc.
- Mốc phải bền, dễ nhận diện, có biển chữ ghi rõ chức năng và đơn vị quản lý.
- Lưu trữ hồ sơ, tọa độ mốc dưới dạng bản cứng và bản đồ/GIS.

Lưu ý: Các thông số kỹ thuật, khoảng cách, thủ tục hành chính có thể khác nhau theo quy định địa phương - cần xác minh văn bản hướng dẫn cụ thể của tỉnh/xã trước khi triển khai.

e) Công tác truyền thông, huy động cộng đồng

- Trước và sau cắm mốc, tổ chức họp dân, phát tờ rơi, thông báo phát thanh, pano treo tại đầu làng để giải thích ý nghĩa mốc và hậu quả khi xâm phạm.
- Khuyến khích người dân ký biên bản xác nhận vị trí mốc, tăng tính minh bạch, giảm tranh chấp.

3.1.3. Tăng cường công tác tuần tra, kiểm tra, phát hiện và xử lý kịp thời các hành vi vi phạm

Bước 1: Xây dựng kế hoạch tuần tra, kiểm tra: Các cơ quan, đơn vị quản lý công trình thủy lợi cần xây dựng kế hoạch tuần tra, kiểm tra thường xuyên và đột xuất tại các tuyến kênh, hồ chứa, đập, trạm bơm và các hạng mục công trình khác. Kế hoạch phải thể hiện rõ: phạm vi, tuyến đường tuần tra, thời gian, tần suất, nhân sự tham gia, phương tiện -

thiết bị hỗ trợ. Việc tuần tra cần được thực hiện có hệ thống, gắn trách nhiệm cụ thể cho từng cán bộ, đơn vị nhằm kịp thời phát hiện những hành vi lấn chiếm, xây dựng trái phép, xả thải, hoặc các hoạt động khác gây ảnh hưởng đến an toàn công trình và hành lang bảo vệ.

Bước 2: Thành lập tổ/đội tuần tra: Thành phần cần có sự phối hợp giữa cán bộ quản lý công trình, đại diện chính quyền địa phương và lực lượng công an xã/thôn đội tự quản.

Bước 3: Chuẩn bị trang thiết bị cần thiết: sổ ghi chép, máy ảnh/máy quay, định vị GPS, điện thoại liên lạc, phương tiện di chuyển...

Bước 4: Thực hiện tuần tra, kiểm tra:

- Kiểm tra tình trạng hành lang bảo vệ, phát hiện các hành vi vi phạm như: xây dựng trái phép, lấn chiếm đất, xả rác và chất thải, chăn thả gia súc, khai thác cát, nuôi trồng thủy sản không phép...
- Ghi nhận hiện trạng bằng hình ảnh, biên bản, đánh dấu vị trí vi phạm trên bản đồ/bản vẽ quản lý.
- Đối chiếu với mốc giới đã cắm để xác định chính xác mức độ và phạm vi vi phạm.

Bước 5: Xử lý và báo cáo vi phạm:

Khi phát hiện vi phạm, cán bộ tuần tra lập biên bản vi phạm ban đầu, ghi rõ thời gian, địa điểm, hành vi, đối tượng vi phạm, kèm hình ảnh minh chứng.

Báo cáo ngay cho đơn vị quản lý cấp trên và UBND địa phương để phối hợp xử lý theo thẩm quyền.

Thực hiện biện pháp ngăn chặn tạm thời (yêu cầu dừng ngay hành vi vi phạm, giữ nguyên hiện trạng) cho đến khi có quyết định xử lý chính thức.

Phối hợp xử lý vi phạm:

- Các đơn vị quản lý công trình phối hợp với UBND cấp xã, công an, thanh tra, Sở NN&MT để tiến hành lập biên bản xử phạt vi phạm hành chính theo đúng Quy định của Chính phủ.
- Đảm bảo việc xử lý diễn ra công khai, minh bạch, nghiêm minh, nhằm răn đe và ngăn ngừa tái phạm.
- Trường hợp vi phạm nghiêm trọng, phải kịp thời đề nghị chuyển cơ quan có thẩm quyền để xử lý theo quy định pháp luật.

Bước 6: Tuyên truyền, vận động cộng đồng:

- Trong quá trình tuần tra, kết hợp tuyên truyền, nhắc nhở người dân tại chỗ về các hành vi bị cấm trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi.
- Phát tờ rơi, dán pano, áp phích ở khu vực dễ vi phạm; tổ chức các buổi sinh hoạt cộng đồng để nâng cao ý thức chấp hành.

Bước 7: Theo dõi, tổng hợp và báo cáo:

- Sau mỗi đợt tuần tra, tổ công tác lập báo cáo kết quả, nêu rõ số lượt kiểm tra, số vụ vi phạm phát hiện, hình thức xử lý và kiến nghị biện pháp khắc phục.
- Báo cáo gửi về cơ quan quản lý cấp trên và UBND cùng cấp để phục vụ công tác chỉ đạo chung.
- Thực hiện lưu trữ hồ sơ vi phạm (biên bản, hình ảnh, quyết định xử phạt) để theo dõi lâu dài và phục vụ thanh tra, kiểm tra khi cần.

(Một số biểu mẫu phục vụ tuần tra, kiểm tra vi phạm phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi như tại Phụ lục II).

3.2. Trách nhiệm phối hợp của các bên liên quan**3.2.1. Cơ quan quản lý nhà nước về thủy lợi**

- Chủ trì, định hướng và ban hành các quy định, kế hoạch kiểm kê định kỳ (theo năm/quý) và kiểm kê đột xuất khi có dấu hiệu vi phạm.
- Xây dựng cơ chế phối hợp liên ngành trong kiểm soát vi phạm.
- Ban hành quy trình, tiêu chí nhận diện và xử lý hành vi vi phạm.
- Chủ trì, chỉ đạo, tổ chức các đợt kiểm kê, thống kê hiện trạng công trình và phạm vi bảo vệ.

- Chỉ đạo, phân công rõ trách nhiệm cho đơn vị trực thuộc trong công tác kiểm tra, giám sát vi phạm.
- Thiết lập cơ chế tiếp nhận, tổng hợp, xử lý thông tin vi phạm (đường dây nóng, văn bản báo cáo, hệ thống trực tuyến) do các tổ chức, cá nhân phản ánh.
- Tổng hợp kết quả kiểm kê, báo cáo định kỳ cho UBND cùng cấp và Bộ Nông nghiệp và Môi trường.
- Thanh tra, kiểm tra định kỳ và đột xuất đối với đơn vị quản lý khai thác trong công tác kiểm kê, phát hiện, ngăn ngừa các vi phạm.
- Xử lý hoặc kiến nghị xử lý vi phạm theo thẩm quyền.

3.2.2. Đơn vị quản lý, khai thác công trình thủy lợi

- Là lực lượng trực tiếp tuần tra, kiểm tra, theo dõi, phát hiện và phát hiện hành vi vi phạm.
- Lập hồ sơ, biên bản ban đầu khi phát hiện vi phạm và kịp thời thông báo cho chính quyền địa phương, cơ quan có thẩm quyền để xử lý theo quy định.
- Cử cán bộ chuyên trách phối hợp với chính quyền địa phương và các lực lượng chức năng trong công tác ngăn chặn, xử lý vi phạm.
- Quản lý, lưu trữ đầy đủ dữ liệu kiểm kê, hình ảnh hiện trạng, phục vụ công tác tra cứu, xử lý sau này.

- Thiết lập hồ sơ quản lý, cập nhật vi phạm vào cơ sở dữ liệu.
- Chủ động tuyên truyền, hướng dẫn cộng đồng chấp hành quy định bảo vệ công trình.

3.2.3. Chính quyền các cấp (UBND cấp tỉnh, cấp xã)

- Tăng cường tuyên truyền, phổ biến pháp luật đến từng hộ gia đình, tổ chức, đặc biệt là hộ sống trong và gần phạm vi bảo vệ CTTL hoặc lồng ghép vào các cuộc họp thôn/xóm, đoàn thể.
- Chủ động phối hợp với đơn vị quản lý, đơn vị khai thác trong việc xử lý, giải quyết các vi phạm để tránh kéo dài, tái diễn vi phạm.
- Tổ chức lực lượng tham gia xử lý khi xảy ra hành vi vi phạm, bảo đảm an ninh trật tự tại khu vực công trình. Huy động lực lượng công an, dân quân tự vệ, cán bộ chuyên môn tham gia ngăn chặn, xử lý vi phạm.
- Gắn trách nhiệm của cán bộ quản lý địa bàn với tình trạng vi phạm trên địa phương.
- Đưa tiêu chí bảo vệ CTTL vào đánh giá thi đua của địa phương.

3.2.4. Người sử dụng nước, cộng đồng dân cư

- Là lực lượng giám sát tại chỗ, góp phần phát hiện và ngăn chặn vi phạm kịp thời.

- Chấp hành nghiêm quy định về phạm vi bảo vệ CTTL, không tự ý coi nói, xây dựng, lấn chiếm hoặc xả thải trong phạm vi bảo vệ công trình.
- Tham gia giám sát cộng đồng, kịp thời phản ánh các hành vi vi phạm tới chính quyền hoặc đơn vị quản lý.
- Cung cấp thông tin, bằng chứng (ảnh chụp, video) hỗ trợ cơ quan chức năng trong kiểm kê, xử lý.
- Hỗ trợ, phối hợp khi có yêu cầu về kiểm kê, điều tra, cung cấp thông tin liên quan đến hiện trạng công trình.

Phần IV

HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN XỬ LÝ VI PHẠM PHẠM VI BẢO VỆ CTTL VÀ XẢ NƯỚC THẢI VÀO CTTL

Công tác xử lý vi phạm phạm vi bảo vệ CTTL và xả nước thải vào CTTL được thực hiện theo các Quy định của pháp luật (các quy định đã được nêu tại mục 1.4). Dưới đây là một số điểm chính cần lưu ý trong thực hiện xử lý vi phạm.

4.1. Một số lưu ý khi xử phạt vi phạm

Lưu ý 1: Mọi vi phạm phải được phát hiện, ngăn chặn kịp thời và phải bị xử lý nghiêm minh, mọi hậu quả do vi phạm gây ra phải được khắc phục theo đúng quy định của pháp luật. Không để kéo dài, không bao che, không bỏ lọt vi phạm.

Lưu ý 2: Việc xử phạt vi phạm phải tiến hành nhanh chóng, công khai, khách quan, đúng thẩm quyền, bảo đảm công bằng, đúng quy định của pháp luật.

Lưu ý 3: Việc xử phạt vi phạm phải căn cứ vào tính chất, mức độ, hậu quả vi phạm, đối tượng vi phạm và tình tiết giảm nhẹ, tình tiết tăng nặng.

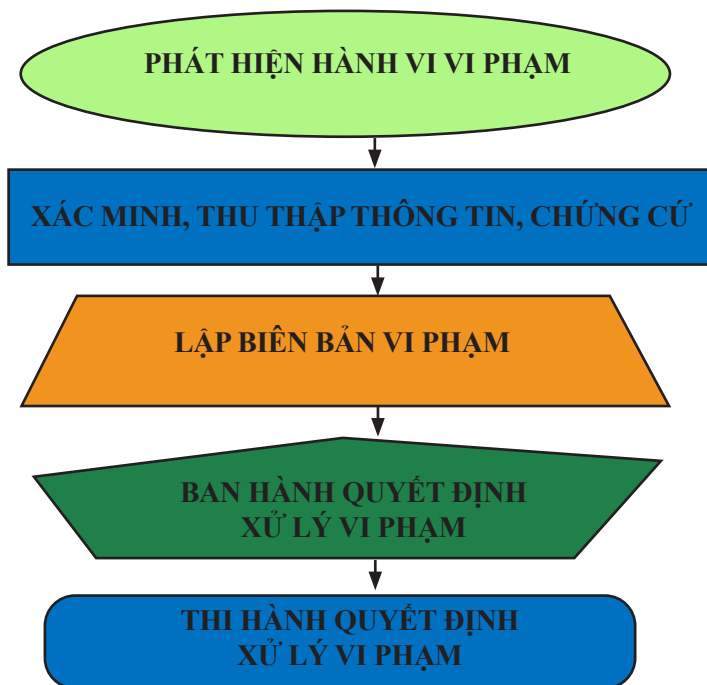
Lưu ý 4: Một hành vi vi phạm chỉ được xử phạt một lần. Nhiều người cùng thực hiện một hành vi vi phạm thì mỗi người vi phạm đều bị xử phạt về hành vi đó. Nếu một người thực hiện nhiều hành vi vi phạm hoặc vi phạm nhiều lần thì

bị xử phạt về từng hành vi, trừ trường hợp hành vi vi phạm nhiều lần được quy định là tình tiết tăng nặng.

Lưu ý 5: Người có thẩm quyền xử phạt có trách nhiệm chứng minh vi phạm, trong khi cá nhân, tổ chức bị xử phạt có quyền tự mình hoặc thông qua người đại diện hợp pháp chứng minh mình không vi phạm.

Lưu ý 6: Đối với cùng một hành vi vi phạm thì mức phạt tiền đối với tổ chức bằng 02 lần mức phạt tiền đối với cá nhân.

4.2. Quy trình xử lý vi phạm



Hình 4.1: Quy trình thực hiện xử lý vi phạm

4.3. Tổ chức thực hiện xử lý vi phạm

4.3.1. Bước 1: Phát hiện hành vi vi phạm

Cán bộ thực hiện nhiệm vụ vận hành CTTL có trách nhiệm trực tiếp phát hiện hoặc phản ánh từ các tổ chức/cá nhân về vi phạm trong phạm vi mình quản lý.

Công chức, viên chức phụ trách quản lý nhà nước trong lĩnh vực thủy lợi (Công chức, viên chức của Sở Nông nghiệp và Môi trường; Công chức cấp xã phụ trách lĩnh vực thủy lợi...) phải thường xuyên theo dõi, kiểm tra các hoạt động trong phạm vi bảo vệ CTTL được giao quản lý để phát hiện kịp thời các hành vi vi phạm phạm vi bảo vệ CTTL.

Các đoàn thanh tra, kiểm tra đột xuất khi phát hiện các hành vi có dấu hiệu vi phạm phạm vi bảo vệ CTTL.

Khi phát hiện hành vi vi phạm thì cần phải có biện pháp yêu cầu dừng hành vi vi phạm.

Trường hợp hành vi vi phạm đã thực hiện xong thì chủ thể có thẩm quyền thực hiện các thủ tục để xử phạt vi phạm hành chính theo quy định.

4.3.2. Bước 2: Xác minh, thu thập thông tin, chứng cứ

Xác minh hành vi vi phạm để làm rõ bản chất, nội dung, tính chất, mức độ và nguyên nhân của hành vi vi phạm, từ đó có căn cứ xác định trách nhiệm và hình thức xử lý phù hợp.

Việc thu thập thông tin, chứng cứ vi phạm được thực hiện nhằm đảm bảo tính khách quan, đầy đủ và chính xác

của hồ sơ xử lý vi phạm, đồng thời làm căn cứ pháp lý vững chắc cho việc lập biên bản và ra quyết định xử phạt.

Các thông tin, chứng cứ cần phải hợp pháp, khách quan, có nguồn gốc rõ ràng, có đầy đủ thông tin về ngày, giờ, người lập, người xác nhận. Kèm theo đó là hình ảnh, video hiện trường, bản đồ, tọa độ, vị trí, tài liệu minh chứng rõ ràng, có thể đối chiếu được với thực địa.

4.3.3. Bước 3: Lập biên bản vi phạm

a) Xử lý vi phạm không lập biên bản

Xử lý vi phạm không lập biên bản vi phạm được áp dụng trong trường hợp cảnh cáo hoặc phạt tiền đến 250.000 đồng đối với cá nhân, 500.000 đồng đối với tổ chức và người có thẩm quyền xử phạt phải ra quyết định xử phạt tại chỗ (Trường hợp vi phạm được phát hiện nhờ sử dụng phương tiện, thiết bị kỹ thuật, nghiệp vụ thì phải lập biên bản).

Quyết định xử phạt vi phạm hành chính không lập biên bản được áp dụng theo Nghị định số 68/2025/NĐ-CP (Mẫu MQĐ01 của Phụ lục ban hành kèm theo).

b) Xử lý vi phạm có lập biên bản

Việc xử phạt vi phạm có lập biên bản phải được người có thẩm quyền xử phạt lập thành hồ sơ xử phạt vi phạm. Mẫu biên bản được áp dụng theo Nghị định số 68/2025/NĐ-CP (Mẫu MBB01 của Phụ lục ban hành kèm theo).

** Thẩm quyền lập biên bản vi phạm*

- Những người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực thủy lợi khi đang thi hành công vụ.
- Công chức, viên chức đang thi hành công vụ, nhiệm vụ về phòng, chống thiên tai; thủy lợi; đê điều.
- Công chức, viên chức thuộc cơ quan thanh tra nhà nước, người thuộc lực lượng Quân đội nhân dân, Công an nhân dân, người làm công tác cơ yếu đang thi hành công vụ, nhiệm vụ.
- Đối với hành vi có dấu hiệu vi phạm không thuộc thẩm quyền lập biên bản vi phạm hoặc không thuộc lĩnh vực, địa bàn quản lý của mình, thì người có thẩm quyền đang thi hành công vụ, nhiệm vụ phải lập biên bản làm việc để ghi nhận sự việc và chuyển ngay biên bản đến người có thẩm quyền.

** Lập biên bản vi phạm*

Các nội dung lập biên bản vi phạm thực hiện theo Điều 12. Lập biên bản vi phạm hành chính của Nghị định số 118/2021/NĐ-CP ngày 23/12/2021 của Chính phủ và Khoản 6, Điều 1 của Nghị định 68/2025/NĐ-CP ngày 18/3/2025 của Chính phủ.

4.3.4. Bước 4: Ban hành quyết định xử lý vi phạm

Trường hợp một cá nhân, tổ chức thực hiện nhiều hành vi vi phạm mà bị xử phạt trong cùng một lần thì chỉ ra 01

quyết định xử phạt, trong đó quyết định hình thức, mức xử phạt đối với từng hành vi vi phạm.

Trường hợp nhiều cá nhân, tổ chức cùng thực hiện một hành vi vi phạm thì có thể ra 01 hoặc nhiều quyết định xử phạt để quyết định hình thức, mức xử phạt đối với từng cá nhân, tổ chức.

Trường hợp nhiều cá nhân, tổ chức thực hiện nhiều hành vi vi phạm khác nhau trong cùng một vụ vi phạm thì có thể ra 01 hoặc nhiều quyết định xử phạt để quyết định hình thức, mức xử phạt đối với từng hành vi vi phạm của từng cá nhân, tổ chức.

Quyết định xử phạt có hiệu lực kể từ ngày ký, trừ trường hợp trong quyết định quy định ngày có hiệu lực khác.

Mẫu Quyết định xử lý vi phạm đối với trường hợp có lập biên bản được áp dụng theo Nghị định số 68/2025/NĐ-CP (Mẫu MQĐ 02 của Phụ lục ban hành kèm theo).

4.3.5. Bước 5: Thi hành quyết định xử lý vi phạm

Thi hành quyết định xử lý vi phạm là bước quan trọng cuối cùng trong quá trình tiến hành xử lý vi phạm. Có hai hình thức phổ biến trong thi hành quyết định xử lý vi phạm là:

- **Xử phạt cảnh cáo:** Đây là hình thức xử phạt áp dụng đối với những vi phạm ít nghiêm trọng, có tình tiết giảm nhẹ. Cảnh cáo có thể thực hiện bằng hình thức ban hành văn bản cảnh cáo hoặc lời nói. Người bị

cảnh cáo phải chấp hành và có trách nhiệm khắc phục hậu quả như khôi phục hiện trạng ban đầu công trình thủy lợi...

- Thi hành quyết định phạt tiền: Đây là hình thức áp dụng với các vi phạm đã gây ra hậu quả nhưng chưa đến mức phải xử lý hình sự. Người vi phạm có trách nhiệm nộp phạt theo mức quy định trong Quyết định xử lý vi phạm và khôi phục lại hiện trạng, tháo dỡ công trình vi phạm.

4.4. Trách nhiệm của các bên liên quan

4.4.1. Đơn vị quản lý, khai thác công trình thủy lợi

- Thực hiện nghiêm các quy định về bảo vệ, quản lý và vận hành công trình được giao.
- Phát hiện, báo cáo kịp thời cho chính quyền địa phương hoặc cơ quan có thẩm quyền khi có hành vi vi phạm trong phạm vi quản lý.
- Phối hợp với cơ quan chức năng trong việc lập biên bản, cung cấp hồ sơ, tài liệu, chứng cứ phục vụ công tác xử lý vi phạm.

4.4.2. Chính quyền các cấp (UBND cấp tỉnh, cấp xã)

- Chỉ đạo các cơ quan chuyên môn (Sở Nông nghiệp và Môi trường, Phòng Kinh tế/Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị cấp xã...) phát hiện, ngăn chặn, lập biên bản và

xử lý kịp thời các hành vi vi phạm.

- Giám sát, đôn đốc các đối tượng vi phạm chấp hành quyết định xử lý của các cơ quan có thẩm quyền.
- Trường hợp vượt thẩm quyền thì biên bản và các tài liệu khác phải chuyển cho cơ quan cấp trên để xử lý đảm bảo trong thời hạn 24 giờ kể từ khi lập biên bản vi phạm hành vi phải được xử lý.
- Thẩm quyền UBND các cấp thực hiện theo Điều 5 của Nghị định số 189/2025/NĐ-CP của Chính phủ.
- Xây dựng và ban hành Quy chế phối hợp trong công tác phòng ngừa, xử lý vi phạm phạm vi bảo vệ CTTL. Trong quy chế cần cụ thể hóa vai trò trách nhiệm của từng tổ chức, cá nhân có liên quan.

4.4.3. Sở Nông nghiệp và Môi trường

- Tham mưu UBND tỉnh ban hành các văn bản chỉ đạo, quy định, kế hoạch về công tác kiểm tra, xử lý vi phạm trong lĩnh vực thủy lợi.
- Hướng dẫn, theo dõi, đôn đốc các đơn vị trực thuộc thực hiện đúng quy trình xử phạt vi phạm.
- Tổ chức kiểm tra; phát hiện, lập biên bản và xử lý hoặc kiến nghị xử lý đối với các hành vi vi phạm.
- Phối hợp với UBND cấp xã và các lực lượng chức năng trong kiểm tra việc chấp hành quy định về bảo

vệ công trình, hành lang bảo vệ nguồn nước, khai thác, xả nước vào CTTL.

- Xử phạt vi phạm hành chính theo thẩm quyền được giao tại Luật Xử lý vi phạm hành chính và các Quy định liên quan.
- Thẩm quyền xử lý vi phạm thực hiện theo Điều 6 của Nghị định số 189/2025/NĐ-CP của Chính phủ.
- Tổng hợp, thông kê tình hình vi phạm và kết quả xử lý trên địa bàn toàn tỉnh và có báo cáo định kỳ hoặc đột xuất cho Bộ Nông nghiệp và Môi trường và UBND cấp tỉnh để đánh giá, đề xuất điều chỉnh chính sách.

Ghi chú:

- Cột (5), (6) bao gồm các hành vi vi phạm tại phần a mục 2.1.1.
- Cột (7), (8) bao gồm các hành vi vi phạm tại phần b mục 2.1.1.
- Cột (9), (10) bao gồm các hành vi vi phạm tại mục 2.1.2.
- Cột (11), (12) bao gồm các hành vi vi phạm tại phần c mục 2.1.1.
- Cột (13), (14) bao gồm các hành vi vi phạm tại phần d và e mục 2.1.1.
- Cột (15), (16) bao gồm các hành vi vi phạm tại phần f mục 2.1.1.
- Cột (17), (18) bao gồm các hành vi vi phạm tại phần g mục 2.1.1.
- Cột (19) Số vụ vi phạm đã được lập biên bản (đối với các vụ tái phạm nhiều lần, lập nhiều biên bản, khi thống kê chỉ liệt kê là 01 lần lập).
- Cột (20) Số vụ vi phạm lập biên bản và đã gửi các đơn vị có thẩm quyền kiến nghị xử lý theo quy định.
- Cột (21) Số vụ vi phạm đã được các cấp có thẩm quyền xử lý sau khi nhận được biên bản kiến nghị xử lý của đơn vị trực tiếp quản lý khai thác công trình.

Phụ lục 1.2: Thống kê các tổ chức, cá nhân hoạt động xả nước thải vào CTTL

TT	Tên tổ chức/cá nhân xả nước thải	Địa chỉ	Vị trí điểm xả	Loại nước thải	Lưu lượng xả (m3/ngày đêm)	Chế độ xả	Thuộc diện phải cấp phép (có/ không)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
	Tổng cộng:						
1	Tổ chức/cá nhân 1						
2	Tổ chức/cá nhân 2						
3							

Ghi chú:

- Cột (2), (3) Tên, địa chỉ tổ chức/cá nhân xả nước thải vào công trình thủy lợi.
- Cột (4) Vị trí xả nước thải vào kênh..., thôn..., xã...,
- Cột (5) Ngành, nghề sản xuất kinh doanh phát sinh nước thải.
- Cột (6) Lưu lượng xả, nếu không có số liệu đo thì ước lượng.
- Cột (7) Chế độ xả liên tục hay không liên tục.
- Cột (8) theo quy định tại điểm d, khoản 1 Điều 44 Luật Thủy lợi.

Phụ lục 1.3: Thống kê kết quả xử phạt vi phạm hành chính lĩnh vực thủy lợi

TT	Tên tổ chức/cá nhân bị xử phạt VPHC	Địa chỉ	Số hiệu QĐ xử phạt vi phạm hành chính	Hành vi vi phạm	Xử phạt chính		Xử phạt bổ sung		Ghi chú
					Cảnh cáo	Số tiền phạt (đồng)	Tịch thu tang vật, phương tiện	Tước quyền sử dụng giấy phép có thời hạn	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
	Tổng cộng:								
1	Tổ chức/cá nhân 1								
2	Tổ chức/cá nhân 2								
									

Ghi chú:

- Cột (2), (3) Tên, địa chỉ Tổ chức/Cá nhân theo đăng ký kinh doanh.
- Cột (4) Số hiệu QĐ xử phạt VPHC; ngày/tháng/năm ban hành QĐ.
- Cột (5) Ghi hành vi vi phạm bị xử phạt theo quy định tại Nghị định số 03/2022/NĐ-CP.
- Cột (6) Nếu là phạt cảnh cáo đánh dấu (X).
- Cột (7) Số tiền phạt theo QĐ xử phạt đã ban hành.
- Cột (8) Ghi rõ số lượng, tên tang vật, phương tiện bị tịch thu.
- Cột (9) Số hiệu GP bị tước quyền sử dụng; thời hạn tước quyền (từ ngày/tháng/năm đến ngày/tháng/năm).
- Cột (10): Ghi kết quả thực hiện Quyết định xử phạt.

Phụ lục II: BIỂU MẪU PHỤC VỤ TUẦN TRA, KIỂM TRA VI PHẠM PHẠM VI BẢO VỆ CTTL

Phụ lục 2.1: Mẫu kế hoạch tuần tra, kiểm tra vi phạm phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi

1. Đơn vị lập kế hoạch:

2. Phạm vi công trình: Tuyến kênh, hồ chứa, đập, trạm bơm, cống, kè, đường quản lý vận hành và các hạng mục liên quan.

3. Thời gian thực hiện: Từ .../.../... đến .../.../...

4. Mục đích, yêu cầu

- Phát hiện, ngăn chặn kịp thời hành vi vi phạm phạm vi bảo vệ CTTL.
- Bảo đảm an toàn công trình, an toàn hệ thống tưới - tiêu, phòng chống thiên tai.
- Cập nhật, tổng hợp thông tin phục vụ xử lý vi phạm, lập hồ sơ bảo vệ công trình.
- Nâng cao trách nhiệm của đơn vị quản lý và chính quyền địa phương trong bảo vệ CTTL.

5. Nội dung tuần tra, kiểm tra vi phạm

a) Nhóm hành vi vi phạm cần kiểm tra

Theo mục 2.1 của Sổ tay này.

b) Hạng mục cần kiểm tra

Tuyến kênh, mương:

- Hành lang hai bên kênh (xác định theo giải pháp thiết kế hoặc theo quy định).
- Các vị trí tập kết rác, vật liệu, lấn chiếm.
- Các điểm xả nước thải, đường cống đầu nổi.
- Mốc chỉ giới bảo vệ (nếu có).

Hồ chứa - Đập - Tràn:

- Phạm vi bảo vệ đập, dốc nước, cống lấy nước.
- Hoạt động đào đắp, tập kết đất đá gần chân đập.
- Các công trình, quán tạm, khu dân cư lấn gần đập.

c) Trạm bơm, cống điều tiết

- Vùng bể hút - bể xả, tập kết vật liệu, phương tiện.
- Cửa xả thải từ doanh nghiệp/nhà dân.
- Đường quản lý vận hành bị chiếm dụng.

6. Kế hoạch thực hiện

Thời gian	Loại hình (TX/ĐX)	Tuyến/ C. trình	Nội dung kiểm tra	Người th. hiện	Ghi chú
.....	Thường xuyên	Kênh ...	Lấn chiếm, xả thải, tập kết vật liệu	...	
.....	Thường xuyên	Đập ...	Hoạt động xây dựng trái phép	...	
.....	Đột xuất	Hồ ...	Kiểm tra sau mưa lớn có phản ánh	...	
.....	Đột xuất	Trạm bơm...	Kiểm tra đầu nổi xả thải trái phép	...	

7. Phương pháp và công cụ sử dụng

- Nhật ký tuần tra, biên bản kiểm tra.
- Chụp ảnh, video, đo đạc hiện trường.
- GPS để xác định vị trí vi phạm.
- Bản đồ quản lý, WebGIS (nếu có).
- Phối hợp chính quyền xã, công an, người dân.

8. Tổ chức thực hiện

- Tổ/đội tuần tra:
- Người phụ trách:
- Phối hợp với: UBND xã, công an, người dân...

9. Sản phẩm

- Nhật ký tuần tra.
- Biên bản kiểm tra vi phạm.
- Tổng hợp danh mục vi phạm kèm hình ảnh.
- Đề xuất biện pháp xử lý, kiến nghị cơ quan chức năng.

Phụ lục 2.2: Mẫu biên bản kiểm tra vi phạm phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi

Đơn vị lập biên bản:

Thời gian: giờ, ngày ... tháng ... năm

Địa điểm kiểm tra:

Công trình: Kênh/Hồ/Đập/Trạm bơm/..... (ghi rõ)

I. THÀNH PHẦN THAM GIA KIỂM TRA

- Ông/Bà: Chức vụ:

- Ông/Bà: Chức vụ:

- Người được kiểm tra (nếu có):

II. HIỆN TRẠNG VI PHẠM GHI NHẬN

Vị trí vi phạm: (tọa độ GPS nếu có).

Loại hành vi vi phạm:

☐ Lấn chiếm đất công trình

☐ Xả nước thải trái phép

☐ Đổ đất đá, vật liệu

☐ Xây dựng công trình trái phép

☐ Khai thác cát, đất, đá

☐ Hoạt động khác:

Mức độ ảnh hưởng đến công trình:

- Ảnh hưởng dòng chảy:

- Nguy cơ mất an toàn công trình:

Hiện trạng mô tả chi tiết:.....

Hình ảnh, video kèm theo: Có/Không (đánh kèm).

III. Ý KIẾN NGƯỜI VI PHẠM (nếu có)......

.....
.....
.....

IV. KIẾN NGHỊ XỬ LÝ

Đề xuất: Ngừng vi phạm/Khắc phục/Báo cáo cấp có thẩm quyền.

Căn cứ pháp lý áp dụng: Điều ... Luật, Nghị định....

V. KẾT LUẬN

Biên bản được lập lúc ... giờ ... ngày ...

Các bên đã đọc lại và thống nhất ký tên dưới đây.

Đại diện đơn vị kiểm tra

Người vi phạm (nếu có)

(Ký, ghi rõ họ tên)

Phụ lục 2.3: Mẫu nhật ký tuần tra vi phạm phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi

Đơn vị quản lý:

Tổ/Đội tuần tra:

Thời gian: Từ ngày .../.../... đến .../.../...

Ngày/ tháng	Tuyến/ Công trình	Nội dung kiểm tra	Ghi nhận hiện trường	Vi phạm phát hiện	Xử lý/đề xuất	Người thực hiện
.../.../...	Kênh....	Kiểm tra hành lang	Không vật cản	Không	Tiếp tục theo dõi	
.../.../...	Trạm bơm....	Kiểm tra bể hút	Có rác, vật cản	Không	Dọn dẹp	
.../.../...	Đập....	Kiểm tra chân đập	Sạt nhẹ	Không	Báo cáo cấp trên	
.../.../...	Kênh.....	Kiểm tra xả thải	Có nước thải đục	Có (Doanh nghiệp,...)	Lập biên bản	

Ghi chú khác:

- Thời tiết:
- Hoạt động bất thường:
- Sự cố phát sinh:

Tổ trưởng tuần tra
(Ký, ghi rõ họ tên)

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Cục Thủy lợi, 2024, Báo cáo tình hình vi phạm phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi năm 2023;
- [2] Sở Nông nghiệp và Môi trường các tỉnh, thành phố Hải Dương, Ninh Bình, Hải Phòng, Nghệ An, Hà Tĩnh, Cần Thơ, Tây Ninh, 2025, Báo cáo tình hình vi phạm phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi năm 2024 trên địa bàn tỉnh, thành phố;
- [3] Trung tâm tư vấn PIM, 2025, Báo cáo đánh giá tổng thể thực trạng tình hình kiểm kê, kiểm soát các vi phạm phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi và xả nước thải vào công trình thủy lợi.
- [4] Vụ Pháp chế - Bộ Nông nghiệp và Môi trường, 2025, Sổ tay hướng dẫn thực hiện một số nhiệm vụ, thẩm quyền mới của chính quyền cấp xã theo mô hình tổ chức chính quyền địa phương 2 cấp, lĩnh vực Nông nghiệp và Môi trường.
- [5] Trường cán bộ Thanh tra, 2022, Tài liệu bồi dưỡng kỹ năng xử phạt vi phạm hành chính.

NHÀ XUẤT BẢN GIAO THÔNG VẬN TẢI

Số 8 phố Tăng Bạt Hổ - Phường Cửa Nam - Thành phố Hà Nội

Điện thoại: 024 39423346 - 39424620 * Fax: 024 38224784

Website: www.nxbgtvt.vn

CHỊU TRÁCH NHIỆM XUẤT BẢN - NỘI DUNG

GIÁM ĐỐC - TỔNG BIÊN TẬP: Nguyễn Minh Nhật

BIÊN TẬP:

Vũ Văn Bái

TRÌNH BÀY:

Nguyễn Lương

BÌA:

Đặng Nguyên Vũ

Đối tác liên kết xuất bản:

VIỆN KHOA HỌC THỦY LỢI VIỆT NAM

In 400 cuốn, khổ 14,5 x 20,5 cm, tại Công ty TNHH In Tre Xanh

Địa chỉ: Thôn Quỳnh Đô, xã Đại Thanh, Thành phố Hà Nội.

Số xác nhận đăng ký xuất bản: 5719-2025/CXBIPH/2-120/GTVT.

Mã số sách tiêu chuẩn quốc tế - ISBN: 978-604-76-3287-9

Quyết định xuất bản số: 125 LK/QĐ-XBGT ngày 31/12/2025.

In xong và nộp lưu chiểu quý I năm 2026.

